

Bản án số: **70/2023/DS-PT**

Ngày: 08/02/2023

V/v: Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Đức và ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 386/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022, về việc “*Yêu cầu chia di sản thừa kế*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 220/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 353/2022/QĐ-PT, ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Cẩm H, sinh năm: 1954; địa chỉ: Số 175A/7 xã A, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Số 88 đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Phước H2, sinh năm: 1962; địa chỉ: Số 175 đường Đ, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Phạm Thị Th – Luật sư Văn phòng Luật sư Mai Th, địa chỉ: Số 100/8A đường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị Cẩm T; sinh năm: 1957, địa chỉ: Số 14 đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bà Lê Thị Cẩm V; sinh năm: 1960, địa chỉ: Số 183/36/40 đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Ông Lê Phước D (Có yêu cầu khởi kiện độc lập), sinh năm: 1963; địa chỉ: Số 154 đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Ông Lê Phước O (Có yêu cầu khởi kiện độc lập), sinh năm: 1966;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Mỹ H;

Cùng địa chỉ: Số 142 đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đều có mặt.

- Ông Lê Phước P; sinh năm: 1969; địa chỉ: Số 48 đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Tuyết M; địa chỉ: Số 48 đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Ông Lê Phước H3, sinh năm: 1972; địa chỉ: Số 112 đường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bà Ngô Thị H4, sinh năm: 1959; địa chỉ: Số 21/1 đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Anh Lê Phước L1 (Có yêu cầu khởi kiện độc lập), sinh năm: 1982; địa chỉ: Số 53/15/9 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Anh Lê Phước Q(Có yêu cầu khởi kiện độc lập), sinh năm: 1988, địa chỉ: Số 53/15/9 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Phước O, ông Lê Phước D, anh Lê Phước L, ông Lê Phước H3, bà Lê Thị Cẩm T, bà Ngô Thị H4, anh Lê Phước Q: Bà Phạm Thị Th – Luật sư Văn phòng Luật sư Mai Th, địa chỉ: Số 100/8A đường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H4, ông Lê Phước D: Ông Lê Phước O, địa chỉ: Số 142 đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Văn phòng Công chứng Đ; địa chỉ: Số 38 đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn C, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Thanh Q2, sinh năm: 1991; địa chỉ: Số 18/8 đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

4. Người làm chứng:

- Bà Lê Thị D1, địa chỉ: Số 300/13/14 đường N, phường B, quận E, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- Bà Phạm Thị M– Sinh năm: 1962, địa chỉ: Số 24 đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Ông Nguyễn X, địa chỉ: địa chỉ: Số 06 đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bà Đỗ Thị Thanh Tr, địa chỉ: Số 22 đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Cẩm H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Ông Lê Phước K(chết năm 2020) và bà Nguyễn Thị T1 còn có tên gọi là Lâm Thị G (chết năm 1981) là vợ chồng, có 09 người con gồm: Lê Cẩm H, Lê

Thị Cẩm T, Lê Thị Cẩm V, Lê Phước H2, Lê Phước D, Lê Phước O, Lê Phước P, Lê Phước H3 và Lê Phước L (chết năm 1991). Ông Lê Phước L có vợ là bà Ngô Thị H4 và có 02 con là Lê Phước L1 và Lê Phước Q. Quá trình chung sống, ông Lê Phước K và bà Nguyễn Thị T1 có tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Sau khi bà Nguyễn Thị T1 chết, ông Lê Phước K ở một mình nuôi con và trực tiếp quản lý, sử dụng 02 thửa đất nêu trên. Năm 2018, nhà nước ban hành thông báo thu hồi đất đối với 02 thửa đất nêu trên để thực hiện công trình đầu tư xây dựng và chỉnh trang đô thị khu trung tâm văn hóa tỉnh Đắk Lắk. Theo đó, nhà nước đã chi trả cho ông K một khoản tiền và hỗ trợ tái định cư cho ông K 02 thửa đất là thửa số 30, 31 tờ bản đồ số 21 tại đường Đ, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Số tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, ông K đã nhận và chia đều cho các con. Tuy nhiên trước ngày nhận đất tái định cư thì ông Lê Phước K chết.

Trước khi chết ông Lê Phước K có lập di chúc, được Văn phòng Công chứng Đ công chứng số 007499 Quyền số 07TP/SCC/HĐGD ngày 10/7/2019, di chúc của ông K thể hiện di nguyện là sau khi ông K chết, bà Lê Cẩm H được hưởng toàn bộ phần di sản của ông K là phần quyền sử dụng đất đối với 02 lô đất tái định cư là thửa đất số 30, 31 tờ bản đồ số 21 tại đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện nay hai thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân Thành phố B cấp Giấy chứng nhận số quyền sử dụng đất số CU 398677 và số CU 398678 ngày 06/8/2020 cho các đồng thừa kế của ông Kh, bà T1, do ông Lê Phước H2 làm người đại diện. Do ông Lê Phước H2 không đồng ý thực hiện việc chia di sản thừa kế của ông Lê Phước K. Vì vậy, bà Lê Cẩm H yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia phần di sản của ông Lê Phước K theo di chúc đã được công chứng số 007499 Quyền số 07TP/SCC/HĐGD ngày 10/7/2019 mà ông K đã lập. Nguyện vọng của bà Lê Cẩm H là yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được quyền sử dụng 01 trong số 02 thửa đất số 30, 31 tờ bản đồ số 21 tại đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và giá trị phần di sản thừa kế còn lại bằng tiền.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Phước H2 trình bày:

Ông Lê Phước H2 xác nhận lời khai của bà Lê Cẩm H về quan hệ nhân thân, nguồn gốc và di sản thừa kế của ông Lê Phước K là đúng. Tuy nhiên, ông Lê Phước H2 cho rằng bản di chúc mà ông Lê Phước K đã lập và được công chứng số 007499 Quyền số 07TP/SCC/HĐGD ngày 10/7/2019 là không hợp pháp. Lý do: Ngày 09/8/2012, ông Lê Phước K đã lập 01 bản di chúc có mặt của tất cả con cháu và 02 người làm chứng là bà Trần Thị L, địa chỉ: 30 H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và bà Phạm Thị X, địa chỉ: 28 H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với nội dung: “Căn nhà số 26 – 28 H, phường T, Thành phố B sau giải tỏa đền bù được

bao nhiêu thì chia làm 10 phần cho 09 người con và cho tôi”. Di chúc được lập thành 10 bản, 09 người con và ông K mỗi người giữ một bản.

Năm 2017, ông Lê Phước K bị tai biến dẫn đến không nói được, không đi lại được, mọi sinh hoạt phải có người phục vụ. Tháng 02/2018, bà Lê Cẩm H từ thành phố Hồ Chí Minh về B đưa ông K xuống thành phố Hồ Chí Minh để chăm sóc. Hàng tháng các con đều đóng góp mỗi người 1.000.000 đồng, riêng con dâu bà Ngô Thị H4 đóng 500.000 đồng gửi cho bà H để chăm lo cho ông K. Ngày 14/3/2020, ông Lê Phước K qua đời. Ngày 24/3/2020, tại Ủy ban nhân dân phường T các anh chị em trong gia đình lập văn bản cử ông Lê Phước H2 làm người đại diện cho các đồng thừa kế của ông Lê Phước K, bà Nguyễn Thị T1 nhận đất tái định cư 02 thửa đất số 30, 31 tờ bản đồ số 21 tại đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và ông H2 cũng là người đứng tên đại diện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong lúc không nói được, không viết được và đang ở cùng bà Lê Cẩm H tại Thành phố Hồ Chí Minh thì ông K bằng cách nào có thể liên hệ, yêu cầu Văn phòng Công chứng Đ ở Đắk Lắk cử công chứng viên đến nhà bà H ở Sài Gòn để lập di chúc, bằng cách nào ông K có thể bày tỏ nguyện vọng của bản thân để công chứng viên hiểu và ghi chép lại. Do tại thời điểm lập di chúc, ông K không minh mẫn, sáng suốt nên mới không nhớ việc ông đã lập 01 bản di chúc từ năm 2012.

Vì vậy ông Lê Phước H2 đề nghị Tòa án tuyên bố di chúc công chứng số 007499 Quyền số 07TP/SCC/HĐGD ngày 10/7/2019 tại Văn phòng Công chứng Đ mà ông Lê Phước K đã lập là không hợp pháp và vô hiệu, đồng thời yêu cầu Tòa án phân chia đều phần di sản của ông Lê Phước K, bà Nguyễn Thị T1 đối với 02 thửa đất số 30, 31 tờ bản đồ số 21 tại đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Ông H2 hiện nay chưa có nhà ở, đang thuê nhà nên có nguyện vọng nhận đất để ổn định cuộc sống.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước O(Đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Phước D, bà Ngô Thị H4), ông Lê Phước D, ông Lê Phước H3, bà Ngô Thị H4 thống nhất trình bày:

Ông K và bà T1 có 09 người con trong đó có 01 người con là ông Lê Phước L đã chết năm 1991, ông L có vợ là Ngô Thị H4 và 02 con là Lê Phước L1 và Lê Phước Q. Cha mẹ ông K đã chết từ lâu và không rõ thông tin. Ngày 09/8/2012, ông Lê Phước K có lập di chúc đúng như bị đơn ông Lê Phước H2 đã trình bày. Năm 2017, ông Lê Phước K bị tai biến nên không nói được, không đi lại được, mọi sinh hoạt phải có người phục vụ. Đến tháng 02/2018 thì bà Lê Cẩm H đón ông K về Sài Gòn chăm sóc. Đối với nội dung bản di chúc mà bà Lê Cẩm H dùng làm căn cứ khởi kiện, yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Phước K thì ông Lê Phước O, Lê Phước D, ông Lê Phước H2, bà Ngô Thị H4 thống nhất với ý kiến và quan điểm của bị đơn ông Lê Phước H2. Đề nghị Tòa án tuyên bố di chúc công

chứng số 007499 Quyền số 07TP/SCC/HĐGD ngày 10/7/2019 tại Văn phòng Công chứng Đ mà ông Lê Phước K đã lập là không hợp pháp và vô hiệu, đồng thời yêu cầu Tòa án phân chia đều phần di sản của ông Lê Phước K, bà Nguyễn Thị T1 đối với 02 thửa đất số 30, 31 tờ bản đồ số 21 tại đường Đ, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Lê Phước D cho rằng hiện nay chưa có nhà ở, đang thuê nhà nên có nguyện vọng nhận đất để ổn định cuộc sống.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Cẩm T trình bày:

Đối với nội dung bản di chúc mà bà Lê Cẩm H dùng làm căn cứ khởi kiện, yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Phước K thì bà Lê Thị Cẩm T, thống nhất với ý kiến và quan điểm của bị đơn ông Lê Phước H2. Đề nghị Tòa án tuyên bố di chúc công chứng số 007499 Quyền số 07TP/SCC/HĐGD ngày 10/7/2019 tại Văn phòng Công chứng Đ mà ông Lê Phước K đã lập là không hợp pháp và vô hiệu, đồng thời yêu cầu Tòa án phân chia đều phần di sản của ông Lê Phước K, bà Nguyễn Thị T1 đối với 02 thửa đất số 30, 31 tờ bản đồ số 21 tại đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Cẩm V trình bày:

Bà V là con đẻ của ông Lê Phước K và bà Nguyễn Thị T, về phần hàng thừa kế thứ nhất của ông K, bà V thống nhất như lời khai của nguyên đơn, bị đơn và không có bổ sung gì thêm. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Cẩm H thì bà V đồng ý, đề nghị Tòa án phân chia phần di sản của ông K cho bà H theo nội dung bản di chúc mà ông K đã lập tại Văn phòng Công chứng Đ số công chứng 007499 Quyền số 07TP/SCC/HĐGD ngày 10/7/2019. Đối với phần di sản của bà T1 đề nghị chia theo pháp luật, nếu được chia xin nhận bằng tiền.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước P và bà Huỳnh Thị Tuyết M cùng thống nhất trình bày:

Ông P là con đẻ của ông Lê Phước K và bà Nguyễn Thị T1, về hàng thừa kế thứ nhất của ông K, ông P thống nhất như lời khai của nguyên đơn, bị đơn và không có bổ sung gì thêm. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Cẩm H thì ông P đồng ý, đề nghị Tòa án phân chia phần di sản của ông K cho bà H theo nội dung bản di chúc mà ông K đã lập tại Văn phòng Công chứng Đ số công chứng 007499 Quyền số 07TP/SCC/HĐGD ngày 10/7/2019. Đối với phần di sản của bà T1 đề nghị chia theo pháp luật, nếu được chia xin nhận bằng tiền.

Tại phiên tòa ông Lê Phước L1 cũng thống nhất với phần trình bày tại bản tự khai ngày 10/3/2022 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước Q như sau:

Ông Lê Phước L là con đẻ của ông Lê Phước K và bà Nguyễn Thị T1. Bà Lê Thị H và ông Lê Phước L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường T, thành phố B, sau khi kết hôn bà H4 ông L sống cùng ông K bà T1, đến năm 1991 thì ông Lê Phước L chết. Ông L1 bà H4 có 02 người con là Lê Phước L1 và Lê Phước Q. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Cẩm H thì ý kiến của bà Ngô Thị H4 và ông Lê Phước Q, ông Lê Phước L1 là không đồng ý và thống nhất với quan điểm của bị đơn ông Lê Phước H2.

Quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Đ là bà Đặng Thanh Q và Công chứng viên Đỗ Văn C thống nhất trình bày:

Ngày 10/7/2019, Văn phòng Công chứng Đ có nhận được yêu cầu công chứng của ông Lê Phước K, sinh năm: 1973, địa chỉ: 28 H, phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về việc công chứng di chúc tại nhà ở địa chỉ Chung cư Ehome 3, lô A11, lầu 4, căn hộ số 9, đường H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi yêu cầu công chứng, ông Lê Phước K xuất trình giấy tờ liên quan gồm: Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu của ông Lê Phước K, Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu của người nhận di sản bà Lê Cẩm H; Kết luận giám định sức khỏe tâm thần số 3017/2019/DV/TTPYTTKV của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực thành phố Hồ Chí Minh thể hiện sức khỏe, tâm thần bình thường; Thông báo thu hồi đất, Bảng tính kinh phí bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất; Biên bản làm việc ngày 04/6/2019 về chọn đất tái định cư.

Qua kiểm tra thấy hồ sơ đề nghị công chứng của ông K đầy đủ, hợp pháp; bản thân ông Lê Phước K minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép trong quá trình lập di chúc. Văn phòng Công chứng Đ đề nghị ông Lê Phước K mời người làm chứng và ông K đã mời bà Lê Thị D, sinh năm: 1959, CMND số 331167144, địa chỉ 300/13/14 Nguyễn Văn L, phường B, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh làm chứng. Công chứng viên đã đọc lại toàn bộ nội dung di chúc và giải thích cho ông Lê Phước K về nội dung di chúc; ông Lê Phước K đồng ý với toàn bộ nội dung di chúc và đồng ý điểm chỉ vào di chúc trước mặt công chứng viên, người làm chứng. Như vậy, việc Văn phòng Công chứng Đ công chứng di chúc số 007499 Quyển số 07TP/SCC/HĐGD ngày 10/7/2019 do ông Lê Phước K lập là đúng với ý chí, nguyện vọng của ông Lê Phước K và đúng theo quy định của pháp luật.

Việc ông Lê Phước H2 cho rằng tại thời điểm lập di chúc ông Lê Phước K không còn đủ minh mẫn, sáng suốt và đề nghị Tòa án tuyên bố Di chúc của ông Lê Phước K do Công chứng viên Văn phòng Công chứng Đ lập ngày 10/7/2019, theo số công chứng 007499 Quyển số 07TP/SCC/HĐGD vô hiệu là không có cơ sở. Văn phòng Công chứng Đ không đồng ý và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu này của ông Lê Phước H2.

Quá trình tham gia tố tụng người làm chứng bà Lê Thị D2 trình bày:

Bà Lê Thị D với bà Lê Cẩm H, ông Lê Phước K không có quan hệ gì với nhau. Tuy nhiên, bà chủ nơi bà D1 làm việc có quen biết bà H, nên thỉnh thoảng

khi bà chủ đến nhà bà H chơi thì bà D1 có đi cùng bà chủ đến nhà bà H. Sáng ngày 10/7/2019, bà D1 có đi cùng bà chủ đến nhà bà H ở chung cư Ehome 3 đường H, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, mục đích là đến chơi. Tình cờ khi đến nơi thấy công chứng viên của Văn phòng Công chứng Đ và ông K đang tiến hành lập di chúc, theo đó bà D1 biết ông K đang làm di chúc phân chia tài sản của mình cho bà H. Tại thời điểm đó bà D1 thấy ông K khỏe mạnh tinh thần tỉnh táo minh mẫn. Ông K nói chuyện bình thường, tuy ông K nói hơi khó nhưng khi ông nói mọi người vẫn nghe được. Bà D1 nghe ông K tự đọc (tuyên bố) nội dung di chúc cho công chứng viên lập. Bà D1 tự nhận thấy ông K lập di chúc là hoàn toàn tự nguyện chứ không bị ép buộc gì cả, vì trong quá trình bà D1 ở chơi nhà bà H thì thấy ông K rất vui vẻ, chứ không thấy bị gượng ép gì cả. Còn việc ông K hay ai gọi công chứng viên đến để ông K lập di chúc thì bà D1 không biết. Do thời gian đã lâu, hơn nữa bà D1 chỉ tình cờ đến nhà bà H theo bà chủ nên khi thấy ông K lập di chúc là tự nguyện và bà D1 chứng kiến từ đầu đến cuối và thấy sự việc là đúng thực tế, nên khi ông K nhờ bà D ký vào bản di chúc với tư cách người làm chứng thì bà D1 ký. Sau khi công chứng viên lập xong di chúc do ông K chỉ đọc được những chữ to chứ chữ nhỏ ông K không đọc được. Do đó, ông K kêu công chứng viên đọc lại nội dung bản di chúc cho ông K nghe, sau đó ông K kêu bà D1 đọc lại một lần nữa cho ông K nghe xong ông K mới lặn tay/điểm chỉ vào bản di chúc, sau đó bà D1 mới kí vào bên người làm chứng. Bà D1 ký vào bản di chúc của ông K là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và cũng không được lợi lộc gì trong việc ký vào bản di chúc nói trên.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người làm chứng bà Phạm Thị M trình bày:

Đã lâu tôi không nhớ rõ ngày, khoảng năm 2012 bà X được ông Lê Phước K là hàng xóm sát bên có mời bà M và thím E (đã mất) nhà 30 đường H cũng là hàng xóm sát bên sang nhà ông K để làm chứng việc ông K lập di chúc. Khi sang thì bà M thấy có đủ 8 người con của ông và chị H4 (Vợ anh L đã mất). Ông K lập di chúc và đọc cho các con nghe, cụ thể là ở căn nhà 26-28 H, B. Nội dung bản di chúc hôm đó là: sau khi giải tỏa đền bù ông K sẽ lấy tổng số tiền được đền bù chia đều làm 10 phần cho 9 người con và 1 phần của ông. Sau khi ông K công bố bản di chúc với sự có mặt của 8 người con, chị H4 cùng với bà M và thím E là 2 người hàng xóm làm chứng thì có nhờ tôi và thím E ký làm chứng bản di chúc. Đến khoảng năm 2017 bà M thấy ông K bị tai biến. Lúc này ông không tự đi lại, tự phục vụ được mà phải nhờ đến các con và phải ngồi xe lăn, không nói được, ai hỏi cũng chỉ gật đầu, mọi ăn uống sinh hoạt phải có người phục vụ. Đến đầu năm 2018 ăn Tết xong bà M có sang để mừng tuổi ông thì người nhà có nói chị ở ngoài chờ một chút và ở trong nhà còn đang vệ sinh cho ông, khi vệ sinh xong bà M vào mừng tuổi cho ông thì ông không nhận ra bà M. Cô M nói bác M mừng tuổi ông nhưng ông cũng không có phản ứng gì. Một thời gian không thấy ông thì nghe nói

chị H con gái ông đã mang ông đi Sài Gòn để chăm sóc. Đây là toàn bộ sự thật về gia đình ông K mà bà M được biết.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người làm chứng ông Nguyễn X trình bày:

Ông X là hàng xóm gần nhà ông Lê Phước K và biết ông K bị bệnh huyết áp cao. Khoảng năm 2017 ông X thấy ông K bị bệnh tai biến nặng phải nằm viện, khi ông K ra viện về nhà thì thấy ông K không tự đi lại được phải ngồi xe lăn, không nói được ai hỏi thì gật đầu ừ ừ, mọi sinh hoạt ăn uống phải có người phục vụ. Khoảng đầu năm 2018, ông X thấy con gái ông K là bà H đưa ông K về thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2020 ông K chết, ông X thấy gia đình ông K đưa ông K về tại số nhà 26-28 đường H làm đám tang, ông X là hàng xóm cũng đến viếng và đưa tiễn ông. Ông X chỉ biết vậy ngoài ra ông X không biết gì thêm.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người làm chứng bà Đỗ Thị Thanh Tr trình bày:

Bà Trung là hàng xóm gần nhà ông Lê Phước K và biết ông K bị bệnh huyết áp cao, hằng ngày phải uống thuốc huyết áp. Đến khoảng năm 2017 bà Tr thấy ông K bị bệnh tai biến nặng phải nằm viện. Khi ông K ra viện về thì bà Tr thấy ông K không tự đi lại được phải ngồi xe lăn, không nói được, ai hỏi thì gật đầu ừ ừ, mọi sinh hoạt ăn uống phải có người phục vụ. Khoảng đầu năm 2018 bà Tr thấy con gái ông K là bà H đưa ông K về thành phố Hồ Chí Minh. Đến tháng 3/2020 ông K chết, bà Tr thấy gia đình ông K đưa ông K từ thành phố Hồ Chí Minh về tại số nhà 26-28 đường H làm đám tang, bà Tr là hàng xóm cũng đến viếng và đưa tiễn ông. Bà Tr chỉ biết vậy ngoài ra không biết gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 220/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244; Điều 266; Điều 267; Điều 273; Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 122; 130; 609; 611; 612; 613; khoản 1 Điều 623; Điều 643; Điều 649; Điều 651; Điều 656; Điều 660; Điều 688 của BLDS năm 2015;

Áp dụng Điều 681 Bộ luật dân sự 2005;

Áp dụng Điều 48; 56 Luật công chứng năm 2014;

Áp dụng Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Cẩm H về việc chia di sản thừa kế đối với tài sản là quyền sử dụng đất thuộc Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 21, diện tích 80m² tại phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk đã được UBND Tp. B cấp Giấy chứng nhận số CU 398677 ngày 06/8/2020 và Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 21, diện tích 80m² tại phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk đã được UBND Tp. B cấp Giấy chứng nhận số CU 398678 ngày 06/8/2020.

Công nhận một phần Di chúc của ông Lê Phước K do Công chứng viên Văn phòng Công chứng Đ lập ngày 10/7/2019, theo số công chứng 007499 Quyền số 07TP/SCC/HĐGD đối với phần di sản của ông Lê Phước K, tương ứng với số tiền phân chia là 1.040.000.000 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng).

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Phước H2 về việc yêu cầu hủy di chúc lập ngày 10/7/2019 của ông Lê Phước K và tuyên bố văn bản công chứng di chúc ngày 10/7/2019 của Văn phòng Công chứng Đ vô hiệu.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước L1, ông Lê Phước D, ông Lê Phước O, ông Lê Phước Q về việc yêu cầu hủy di chúc lập ngày 10/7/2019 của ông Lê Phước K và tuyên bố văn bản công chứng di chúc ngày 10/7/2019 của Văn phòng Công chứng Đ vô hiệu.

Tuyên bố Di chúc của ông Lê Phước K do Công chứng viên Văn phòng Công chứng Đ lập ngày 10/7/2019, theo số công chứng 007499 Quyền số 07TP/SCC/HĐGD bị vô hiệu một phần đối với phần giá trị di sản của bà Lê Cẩm H, bà Lê Thị Cẩm T, bà Lê Thị Cẩm V, ông Lê Phước H2, ông Lê Phước D, ông Lê Phước O, ông Lê Phước P, ông Lê Phước H3 và ông Lê Phước L.

[3] Giao cho ông Lê Phước H2 được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 30, tờ bản đồ số 21, diện tích 80m² tại phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk đã được UBND Tp. B cấp Giấy chứng nhận số CU 398677 ngày 06/8/2020.

Giao cho ông Lê Phước D được quyền quản lý, sử dụng Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 21, diện tích 80m² tại phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk đã được UBND Tp. B cấp Giấy chứng nhận số CU 398678 ngày 06/8/2020.

Các đương sự có quyền liên hệ Cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai. Ông Lê Phước H2 có nghĩa vụ cung cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho Cơ quan có thẩm quyền trong quá trình tiến hành thủ tục đăng ký biến động về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

[4] Công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa của các đương sự về việc thỏa thuận tổng giá trị tài sản theo giá thị trường để làm căn cứ phân chia là 10.400.000.000 đồng (Mười tỷ bốn trăm triệu đồng).

Buộc ông Lê Phước H2 thanh toán cho bà Lê Cẩm H; cho ông Lê Phước H3; cho ông Lê Phước O; cho ông Lê Phước P mỗi người với số tiền là 1.040.000.000 đồng.

Buộc ông Lê Phước D thanh toán cho bà Lê Cẩm H; cho bà Lê Thị Cẩm T; cho bà Lê Thị Cẩm V mỗi người với số tiền là 1.040.000.000đồng.

Buộc ông Lê Phước D thanh toán cho bà Ngô Thị H4; cho ông Lê Phước L1; cho ông Lê Phước Q (Là những người thừa kế của ông Lê Phước L) mỗi người với số tiền là 346.666.667đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm, còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án dân sự; chi phí thẩm định, định giá tài sản; án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 03 và ngày 14/10/2022, nguyên đơn bà Lê Cẩm H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước P, bà Lê Thị Cẩm V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Ngày 12 và 14/10/2022, bị đơn ông Lê Phước H2; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước O, ông Lê Phước D, bà Lê Thị Cẩm T, ông Lê Phước H3 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, bản án sơ thẩm chia cho bà H được hưởng 2/10 phần địa sản thừa kế là không đúng mà phải chia đều làm 9 phần cho 9 người con theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/10/2002, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Lê Phước H2, ông Lê Phước L, ông Lê Phước D, ông Lê Phước O, ông Lê Phước Q; ông Lê Phước H3, bà Lê Thị Cẩm T, bà Ngô Thị H4 là bà Phạm Thị Th tranh luận: Ông Lê Phước K bị bệnh tai biến không nói được, không viết được, không còn sáng suốt, minh mẫn, không làm chủ được hành vi của mình, phù hợp với lời khai người làm chứng là bà Lê Thị D1 trong bản di chúc *“Tôi đã nghe công chứng viên Văn phòng Công chứng Đ đọc và giải thích cho ông Lê Phước K nghe nội dung di chúc, ông Lê Phước K không đọc được, không viết được nhưng nghe và hiểu được Tiếng Việt”*. Trong Di chúc không có Bên A và Bên B mà Công chứng viên chứng nhận: *“Di chúc này được lập thành 4 bản chính...Bên A giữ 01 bản chính, bên B giữ 02 bản chính, 01 bản chính lưu tại Văn phòng Công chứng Đ”*. Kết luận giám định sức khỏe tâm thần số 3017/2019/DV/TTPYTTKV ngày 17/6/2019 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh có trước khi ông K lập di chúc ngày 10/7/2019 là 23 ngày, nên không đủ cơ sở để xác định ông K sáng suốt, minh mẫn. Vì vậy, di chúc ông K điểm chỉ ngày 10/7/2019 là hoàn toàn không hợp pháp, vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 630 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về Di chúc hợp pháp. Bên cạnh đó, việc lập văn bản thỏa thuận ngày 23/4/2020 đã thể hiện ý chí tự nguyện và khẳng định Di sản của ông K bà T1 chết để lại cho tất cả các thành viên trong gia đình là bà H, bà V, bà T, ông H2, ông P, ông D, ông O, ông H3 là đồng thừa kế, nên đều được hưởng kỹ phần thừa kế như nhau, phù hợp với Văn bản thỏa thuận tự nguyện của bà H và các thành viên trong gia đình tại Ủy ban nhân dân phường T,

thành phố B ngày 23/4/2020, phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi nhận ông Lê Phước H2 là người đại diện của những người cùng thừa kế đất của ông Lê Phước K và bà Nguyễn Thị T1, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1,2 Điều 656 và khoản 1 Điều 659 Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

- Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đơn kháng cáo không có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo nguyên đơn bà Lê Cẩm H; bị đơn ông Lê Phước H2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước O, ông Lê Phước D, bà Lê Thị Cẩm T, ông Lê Phước H3, bà Ngô Thị H4, bà Lê Thị Cẩm V, ông Lê Phước P, ông Đỗ Văn C – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 220/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Cẩm H, bị đơn ông Lê Phước H2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước O, ông Lê Phước D, bà Lê Thị Cẩm T, ông Lê Phước H3, bà Ngô Thị H4, bà Lê Thị Cẩm V, ông Lê Phước P, Văn phòng Công chứng Đ, HĐXX xét thấy:

[1.1] Cụ Nguyễn Thị T1 (Chết năm 1981) và cụ Lê Phước K là vợ chồng có 09 người con gồm: Lê Cẩm H, Lê Thị Cẩm T, Lê Thị Cẩm V, Lê Phước H2, Lê Phước D, Lê Phước O, Lê Phước P, Lê Phước H3 và Lê Phước L (chết năm 1991). Ông Lê Phước L có vợ là bà Ngô Thị H4 và có 02 con là Lê Phước L1 và Lê Phước Q. Quá trình chung sống, ông Lê Phước K và bà Nguyễn Thị T1 có tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[1.2] Năm 1981, cụ Nguyễn Thị T1 chết không để lại di chúc, phần di sản của cụ Nguyễn Thị T1 trong khối tài sản chung với cụ Lê Phước K chưa được chia. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10-9-1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng

dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, cụ thể là: thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10-9-1990. Như vậy, đến ngày 22/10/2020 bà Lê Cẩm H mới nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là đã hết thời hiệu khởi kiện.

Như vậy, cần xác định di sản mà cụ Nguyễn Thị T1 để lại được chuyển thành tài sản chung của các đồng thừa kế, bao gồm cụ Lê Phước K và 09 người con.

[1.3] Ngày 09/8/2012, cụ Lê Phước K lập văn bản viết tay với tiêu đề “Tờ di chúc”, có chữ ký xác nhận của cụ K và 09 người con, người làm chứng là bà Phạm Thị M. Tuy nhiên, nội dung lại thể hiện việc thỏa thuận phân chia di sản làm 10 phần cho cụ Lê Phước K và 09 người con. Như vậy, cần xác định văn bản này là văn bản phân chia tài sản chung chứ không phải di chúc của cụ K (Hơn nữa, không ai lập di chúc để lại một phần di sản cho chính bản thân mình). Theo văn bản ngày 09/8/2012 các bên thống nhất chia tài sản chung như sau “Căn nhà số 26 – 28 đường H, phường T, Thành phố B sau giải tỏa đền bù được bao nhiêu thì chia làm 10 phần cho 09 người con và cho tôi”.

Ngày 17/01/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 353/QĐ-UB về việc thu hồi đất của cụ Lê Phước K. Ngày 16/3/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2348/QĐ-UBND về việc giao đất cho cụ Lê Phước K và Nguyễn Thị T1(chết), do cụ K đã mất ngày 14/3/2020 nên ngày 13/5/2020 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3409/QĐ-UBND về việc giao 02 thửa đất tái định cư là thửa số 30 và 31, tờ bản đồ số 21 tại đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho đại diện đồng thừa kế là ông Lê Phước H2. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thừa nhận số tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, cụ K đã nhận và chia đều cho các con. Đối với 02 thửa đất tái định cư theo biên bản phân chia tài sản chung ngày 09/8/2012 cần xác định đây cũng là tài sản chung của cụ K và 09 người con là phù hợp nên cần chia làm 10 phần theo biên bản ngày 09/8/2012.

Biên bản định giá ngày 20/5/2021 của Hội đồng định giá theo Quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản số 43/2021/QĐ-ĐG ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, thành phần Hội đồng định giá có ông Nguyễn Đăng Kh – Đại diện Phòng tài nguyên và môi trường thành phố B có mối quan hệ vợ chồng với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, do đó không đảm bảo tính vô tư, khách quan trong tổ tụng dân sự theo khoản 1 Điều 16 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Cẩm H là bà Nguyễn Thị D, bà Lê Thị Cẩm T, bà Lê Thị Cẩm V, ông Lê Phước H2, ông Lê Phước D, ông Lê Phước O, ông Lê Phước P, ông Lê Phước H3, bà Ngô Thị H4, ông Lê Phước L1 cùng thống nhất thỏa thuận không sử dụng kết quả định giá của Hội đồng định giá mà thống nhất thỏa thuận giá trị thị trường 02 lô đất tái định cư là

10.400.000.000 đồng, mỗi lô có giá trị là 5.200.000.000 đồng. Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là tự nguyện, giá trị di sản các đương sự đưa ra phù hợp với giá thị trường nên cần chấp nhận để xác định giá trị di sản khi phân chia, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về việc lựa chọn thành viên hội đồng định giá. Như vậy, tổng giá trị di sản theo thị trường của 02 thửa đất tái định cư là 10.400.000.000 đồng được chia làm 10 phần cho cụ Lê Phước K; bà Lê Cẩm H, bà Lê Thị Cẩm T, bà Lê Thị Cẩm V, ông Lê Phước H2, ông Lê Phước D, ông Lê Phước O, ông Lê Phước P, ông Lê Phước H2 và ông Lê Phước L. Cụ thể mỗi phần di sản có giá trị $10.400.000.000 \text{ đồng} : 10 = 1.040.000.000 \text{ đồng}$.

Đối với phần giá trị di sản của Lê Phước L (chết năm 1991) được hưởng, tương ứng với số tiền 1.040.000.000 đồng được chia đều cho các hàng thừa kế theo pháp luật gồm vợ bà Ngô Thị H4 và các con ông Lê Phước L, ông Lê Phước Q, mỗi người được hưởng số tiền là 346.666.667 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 650, Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.4] Đối với Di chúc do Công chứng viên Văn phòng Công chứng Đ lập ngày 10/7/2019, theo số công chứng 007499 Quyền số 07TP/SCC/HĐGD, xét thấy: Kết luận giám định sức khỏe tâm thần số 3017/2019/DV/TTPYTTKV ngày 17/6/2019 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện cụ K có sức khỏe, tâm thần bình thường. Tuy nhiên, từ ngày giám định sức khỏe đến ngày lập di chúc là 23 ngày, do đó không đủ căn cứ để khẳng định ngày lập di chúc sức khỏe của cụ Lê Phước K bình thường. Theo lời khai của các con cụ K và người làm chứng là những người hàng xóm của cụ K là bà Phạm Thị M, ông Nguyễn X, bà Đỗ Thị Thanh Tr đều cho rằng ông K bị tai biến, huyết áp cao, không thể đi lại được, phải ngồi xe lăn, mọi sinh hoạt, vệ sinh cá nhân đều phải có người phụ giúp. Người làm chứng ký vào bản di chúc bà Lê Thị D1 cho rằng sau khi công chứng viên lập xong di chúc do cụ K chỉ đọc được những chữ to, chữ nhỏ cụ K không đọc được. Và vì bằng do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp hình ảnh trong cuộc sống thường ngày thì cụ K phải ngồi xe lăn, phù hợp với lời trình bày của những người làm chứng nêu trên. Do đó, cụ K thuộc trường hợp người bị hạn chế về thể chất. Căn cứ vào khoản 3 Điều 630 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *“Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản và có công chứng hoặc chứng thực”*. Như vậy, di chúc của cụ K không phải do người làm chứng lập nên vô hiệu theo quy định tại Điều 122 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, phần di sản của cụ K sẽ được chia theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650; Điều 651 và Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể chia thành 09 phần cho bà Lê Cẩm H, bà Lê Thị Cẩm T, bà Lê Thị Cẩm V, ông Lê Phước H2, ông Lê Phước D, ông Lê Phước O, ông Lê Phước P, ông Lê Phước H3 và ông Lê Phước L, mỗi người được hưởng $1.040.000.000 \text{ đồng} / 9 = 115.555.556 \text{ đồng}$.

Căn cứ theo Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 về thừa kế thế vị quy định: “trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống”. Như vậy, ông Lê Phước L chết trước cụ Lê Phước K nên 02 con của ông L là ông Lê Phước L1 và ông Lê Phước Q là người thừa kế thế vị được hưởng phần di sản mà ông L được hưởng, cụ thể: $115.555.556 \text{ đồng} / 2 = 57.777.778 \text{ đồng}$.

[1.5] Xét yêu cầu được nhận đất của bà Lê Cẩm H thấy rằng bà H đã có nhà và sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh, do đó không cần thiết phải nhận đất. Xét yêu cầu nhận đất của ông Lê Phước P thấy rằng tại cấp sơ thẩm ông P có yêu cầu được nhận phần di sản bằng tiền, đến phiên tòa phúc thẩm mới yêu cầu nhận đất với lý do hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn không có điều kiện để mua nhà đất như vậy việc giao đất cho ông P và buộc ông P phải thanh toán lại giá trị phần di sản tương ứng cho những người thừa kế còn lại là không khả thi. Xét nhu cầu, mong muốn và điều kiện hoàn cảnh thực tế hiện nay thì ông Lê Phước H2 và ông Lê Phước D đều có nguyện vọng nhận đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, phần lớn các bên đương sự đều đề nghị giao đất cho ông H2 và ông D được trực tiếp quản lý, sử dụng. Qua thẩm định tại chỗ và định giá thì 02 lô đất liền kề có vị trí, giá trị tương đương nên cần xem xét giao cho ông Lê Phước H2 và ông Lê Phước D được quản lý, sử dụng mỗi người một quyền sử dụng đất, phù hợp với chủ trương giao đất bố trí tái định cư của Nhà nước. Ông Lê Phước H2 và ông Lê Phước D có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị tương ứng với giá trị phần di sản mà những người thừa kế còn lại được hưởng trong khối di sản thừa kế. Cụ thể:

Ông Lê Phước H2 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Cẩm H, ông Lê Phước H2, ông Lê Phước O mỗi người với số tiền là 1.115.555.556 đồng; thanh toán cho ông Lê Phước L1 số tiền là 404.444.445 đồng; thanh toán cho bà Ngô Thị H4 số tiền 173.333.334 đồng.

Ông Lê Phước D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Phước P, bà Lê Thị Cẩm T, bà Lê Thị Cẩm V mỗi người với số tiền là 1.115.555.556 đồng; thanh toán cho ông Lê Phước Q số tiền là 404.444.445 đồng; thanh toán cho bà Ngô Thị H4 số tiền 173.333.334 đồng.

[1.6] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Cẩm H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước P, bà Lê Thị Cẩm V, Văn phòng Công chứng Đ. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Phước H2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước O, ông Lê Phước D, bà Lê Thị Cẩm T, ông Lê Phước H3, bà Ngô Thị H4. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 220/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk như đã nhận định và phân tích trên.

[2] Về chi phí thẩm định, định giá và án phí: Do sửa Bản án dân sự sơ thẩm nên cần tính lại chi phí thẩm định, định giá và án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

[2.1] Về chi phí thẩm định, định giá: Bà Lê Cẩm H, bà Lê Thị Cẩm T, bà Lê Thị Cẩm V, ông Lê Phước H2, ông Lê Phước D, ông Lê Phước O, ông Lê Phước P, ông Lê Phước H2 mỗi người phải chịu số tiền 278.000 đồng; ông Lê Phước L1 và ông Lê Phước Q mỗi người phải chịu số tiền 100.000 đồng; bà Ngô Thị H4 phải chịu số tiền 76.000 đồng. Bà Lê Cẩm H được hoàn lại số tiền 2.222.000 đồng sau khi thu được từ bà Lê Thị Cẩm T, bà Lê Thị Cẩm V, ông Lê Phước H2, ông Lê Phước D, ông Lê Phước O, ông Lê Phước P, ông Lê Phước H3, ông Lê Phước L1, ông Lê Phước Q, bà Ngô Thị H4.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Cẩm H, ông Lê Phước H2, bà Lê Thị Cẩm T, bà Lê Thị Cẩm V, bà Ngô Thị H4 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Phước H2 số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0013804 ngày 29/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Lê Phước D, ông Lê Phước O, ông Lê Phước P, ông Lê Phước H3 mỗi người phải chịu số tiền án phí là 46.666.667 đồng. Ông Lê Phước D và ông Lê Phước O được khấu trừ mỗi người số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0013806, 0013807 ngày 29/01/2021 (Do ông Lê Phước L1 nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Lê Phước Q và ông Lê Phước L1 mỗi người phải chịu số tiền là 20.177.778 đồng, được khấu trừ mỗi người số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số AA/2019/0013803, 0013805 ngày 29/01/2021 (Do ông Lê Phước L1 nộp thay ông Lê Phước Q) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[2.3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Do không được chấp nhận kháng cáo nên nguyên đơn bà Lê Cẩm H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước P, bà Lê Thị Cẩm V, Văn phòng Công chứng Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên bị đơn ông Lê Phước H2; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước O, ông Lê Phước D, bà Lê Thị Cẩm T, ông Lê Phước H3, bà Ngô Thị H4 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Cẩm H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Cẩm V, ông Lê Phước P, Văn phòng Công chứng Đ.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Phước H2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước O, ông Lê Phước D, bà Lê Thị Cẩm T, ông Lê Phước H3, bà Ngô Thị H4.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 220/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Áp dụng các Điều 122; 609; 611; 612; 613; 649; 650; 651; 660 của Bộ luật dân sự năm 2015. Các Điều 48; 56 Luật công chứng năm 2014;

Áp dụng Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Cẩm H về việc chia di sản thừa kế đối với di sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 21, diện tích 80m² được UBND Tp. B cấp Giấy chứng nhận số CU 398677 ngày 06/8/2020 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 21, diện tích 80m² được UBND Tp. B cấp Giấy chứng nhận số CU 398678 ngày 06/8/2020, các thửa đất đều tọa lạc tại phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Phước H2; chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước L, ông Lê Phước D, ông Lê Phước O, ông Lê Phước Q về việc: Tuyên Di chúc của cụ Lê Phước K do Công chứng viên Văn phòng Công chứng Đ lập ngày 10/7/2019, theo số công chứng 007499 Quyền số 07TP/SCC/HĐGD vô hiệu, chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

[3] Giao cho ông Lê Phước H2 được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 30, tờ bản đồ số 21, diện tích 80m² tại phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk đã được UBND Tp. B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 398677 ngày 06/8/2020.

Giao cho ông Lê Phước D được quyền quản lý, sử dụng Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 21, diện tích 80m² tại phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk đã được UBND Tp. B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 398678 ngày 06/8/2020.

Ông Lê Phước H2 và ông Lê Phước D có quyền liên hệ Cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

[4] Công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa của các đương sự về việc thỏa thuận tổng giá trị di sản theo giá thị trường để làm căn cứ phân chia là 10.400.000.000 đồng (Mười tỷ bốn trăm triệu đồng).

Buộc ông Lê Phước H2 phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Cẩm H, ông Lê Phước H3, ông Lê Phước O mỗi người số tiền 1.115.555.556đ (Một tỷ, một

trăm mười lăm triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng); thanh toán cho ông Lê Phước L1 số tiền là 404.444.445đ (Bốn trăm lẻ bốn triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng); thanh toán cho bà Ngô Thị H4 số tiền 173.333.334đ (Một trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi tư đồng)

Buộc ông Lê Phước D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Phước P, bà Lê Thị Cẩm T, bà Lê Thị Cẩm V mỗi người với số tiền là 1.115.555.556đ (Một tỷ, một trăm mười lăm triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng); thanh toán cho ông Lê Phước Q số tiền là 404.444.445đ (Bốn trăm lẻ bốn triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng); thanh toán cho bà Ngô Thị H4 số tiền 173.333.334đ (Một trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi tư đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về chi phí thẩm định, định giá: Buộc bà Lê Cẩm H, bà Lê Thị Cẩm T, bà Lê Thị Cẩm V, ông Lê Phước H2, ông Lê Phước D, ông Lê Phước O, ông Lê Phước P, ông Lê Phước H3 mỗi người phải chịu số tiền 278.000đ (Hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng); ông Lê Phước L1 và ông Lê Phước Q mỗi người phải chịu số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng); bà Ngô Thị H4 phải chịu số tiền 76.000đ (Bảy mươi sáu nghìn đồng). Bà Lê Cẩm H được hoàn lại số tiền 2.222.000đ (Hai triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng) sau khi thu được từ bà Lê Thị Cẩm T, bà Lê Thị Cẩm V, ông Lê Phước H2, ông Lê Phước D, ông Lê Phước O, ông Lê Phước P, ông Lê Phước H3, ông Lê Phước L1, ông Lê Phước Q, bà Ngô Thị H4.

[6] Về án phí:

[6.1] Án phí sơ thẩm:

- Bà Lê Cẩm H, ông Lê Phước H2, bà Lê Thị Cẩm T, bà Lê Thị Cẩm V, bà Ngô Thị H4 được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Phước H2 số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0013804 ngày 29/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Buộc ông Lê Phước D, ông Lê Phước O, ông Lê Phước P, ông Lê Phước H3 mỗi người phải chịu số tiền 46.666.667đ (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Ông Lê Phước D và ông Lê Phước O được khấu trừ mỗi người số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0013806, 0013807 ngày 29/01/2021 (Do ông Lê Phước L1 nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Buộc ông Lê Phước Q và ông Lê Phước L1 mỗi người phải chịu 20.177.778đ (Hai mươi triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi

T1đồng), được khấu trừ mỗi người số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số AA/2019/0013803, 0013805 ngày 29/01/2021 (Do ông Lê Phước L1 nộp thay ông Lê Phước Q) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[6.2] Án phí phúc thẩm:

Bà Lê Cẩm H, bà Lê Thị Cẩm V là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Buộc ông Lê Phước P, Văn phòng Công chứng Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, ông Lê Phước P được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2021/0021792 ngày 28/10/2022 (do bà Huỳnh Thị Tuyết M nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Ông Lê Phước H2, ông Lê Phước O, ông Lê Phước D, bà Lê Thị Cẩm T, ông Lê Phước H3, bà Ngô Thị H4 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp của ông Lê Phước D, ông Lê Phước O, ông Lê Phước H3 tại các biên lai số AA/2021/0021737, 0021736, 0021735 ngày 24/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk được khấu trừ vào án phí dân sự sơ thẩm mà mỗi người phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp.BMT;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền